

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 492 /SYT-VP
V/v triển khai Báo cáo số
397-BC/TU ngày 17/12/2018 của
UBND tỉnh

Đồng Nai, ngày 30 tháng 01 năm 2019

Kính gửi: Giám đốc, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc.

Thực hiện Báo cáo số 397-BC/TU ngày 17/12/2018 của Tỉnh ủy Đồng Nai về việc sơ kết 08 năm thực hiện Quyết định số 767-QĐ/TU ngày 21/6/2010 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về ban hành Quy chế cán bộ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (Đính kèm Báo cáo).

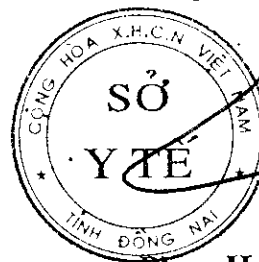
Giám đốc Sở Y tế đề nghị Giám đốc, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc phổ biến nội dung Báo cáo số 397-BC/TU ngày 17/12/2018 của Tỉnh ủy Đồng Nai đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tại đơn vị được biết và thực hiện.

Đề nghị Giám đốc, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC



Phan Huy Anh Vũ

BÁO CÁO

**sơ kết 08 năm thực hiện Quyết định số 767-QĐ/TU ngày 21/6/2010
của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về ban hành Quy chế cán bộ
Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh**

Ngày 06/9/2018, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch 211-KH/TU về việc sơ kết thực hiện Quyết định số 767-QĐ/TU ngày 21/6/2010 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về ban hành Quy chế cán bộ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh (gọi tắt là Quy chế cán bộ Đoàn). Qua tổng hợp báo cáo của các đơn vị, địa phương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy báo cáo sơ kết 08 năm thực hiện Quy chế cán bộ Đoàn trong toàn đảng bộ tỉnh như sau:

I- TÌNH HÌNH TỔ CHỨC ĐOÀN, ĐOÀN VIÊN, CÁN BỘ ĐOÀN

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh hiện có 27 đơn vị trực thuộc trong đó 11 huyện, thị, thành Đoàn; 11 Đoàn Trường Đại học, Cao đẳng¹ và 05 Đoàn tương đương cấp huyện².

Tổng số cơ sở Đoàn hiện có 636 đơn vị (gồm 420 Đoàn cơ sở và 216 chi đoàn cơ sở) với 5022 chi đoàn trực thuộc Đoàn cơ sở với 180.390 đoàn viên, tỷ lệ tập hợp thanh niên đạt 46% (180.390/389.971 thanh niên do tổ chức Đoàn quản lý).

Tổng số cán bộ Đoàn toàn tỉnh là 6.466 đồng chí trong đó cán bộ Đoàn chuyên trách cơ quan Tỉnh đoàn 33 đồng chí; cán bộ Đoàn chuyên trách cấp huyện và tương đương 90 đồng chí; cán bộ Đoàn cấp cơ sở 6.343 đồng chí (gồm bí thư, phó bí thư Đoàn xã, phường, thị trấn 359 đồng chí; Bí thư, Phó Bí thư cơ sở Đoàn 975 đồng chí và bí thư chi đoàn 5.009 đồng chí).

II- TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN

1- Công tác triển khai, quán triệt

Sau khi tiếp thu Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn đã phổ biến, quán triệt,

¹ Trường Cao đẳng Mỹ thuật Trang trí Đồng Nai, Trường Cao đẳng Nghề Sonadezi, Trường Cao đẳng Nghề Công nghệ cao; Trường Cao đẳng Kỹ thuật Đồng Nai, Trường Cao đẳng Công nghệ Quốc tế Lilama 2, Trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai, Trường Đại học Đồng Nai, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai, Trường Đại học Lạc Hồng, Phân hiệu Trường Đại học Lâm Nghiệp; Trường Đại học : Miền Đông

² Đoàn Khối các cơ quan tỉnh, Đoàn Khối doanh nghiệp tỉnh, Đoàn Tổng Công ty Cao su Đồng Nai, Đoàn Công an tỉnh và Đoàn Quân sự tỉnh.

triển khai đến các chi, đảng bộ cơ sở và các tổ chức đoàn với nhiều hình thức phù hợp (như tổ chức hội nghị triển khai, sao gửi tài liệu...), đồng thời giao nhiệm vụ cho cơ quan giúp việc của cấp ủy phối hợp với cơ quan chuyên trách Đoàn theo dõi, tham mưu cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện. Trên cơ sở quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, một số cấp ủy chủ động cụ thể hóa, ban hành Quyết định về Quy chế cán bộ Đoàn để thực hiện tại đơn vị³ hoặc rà soát, điều chỉnh tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ đoàn (chức danh bí thư, phó bí thư) trong quy định tiêu chuẩn cán bộ lãnh đạo, quản lý của địa phương. Định kỳ hàng năm, các đơn vị, địa phương chỉ đạo tổ chức đoàn đánh giá kết quả thực hiện (lồng ghép trong tổng kết công tác đoàn), ngoài ra Ban Thường vụ Tỉnh đoàn tiến hành sơ kết đánh giá 05 năm thực hiện Quy chế cán bộ Đoàn trong toàn hệ thống. Nhìn chung qua triển khai, quán triệt, các cấp ủy, các cơ quan, đơn vị đã nhận thức sâu sắc quan điểm chỉ đạo, bám sát Quy chế cán bộ đoàn và vận dụng phù hợp với đặc điểm, tình hình của từng đơn vị, địa phương.

2- Kết quả thực hiện.

2.1- Về tiêu chuẩn cán bộ Đoàn

2.1.1 Về tiêu chuẩn chung

Các tiêu chuẩn chung của cán bộ Đoàn theo Quy chế được thực hiện đảm bảo, cán bộ Đoàn từ tỉnh đến cơ sở giữ vững lập trường tư tưởng chính trị, chấp hành và thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Các đồng chí có ý thức tổ chức kỷ luật tốt, nhiệt tình, năng động, sáng tạo, thể hiện tốt khả năng tập hợp, gắn bó mật thiết và được sự tin nhiệm của đoàn viên, thanh niên, thiếu niên, nhi đồng và nhân dân; được đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị, nghiệp vụ⁴, chủ động trong học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao. Hầu hết đều trưởng thành từ phong trào Đoàn, Hội, Đội hoặc đã tham gia hoạt động phong trào thanh thiếu nhi. Có sức khỏe tốt và ngoại hình phù hợp với công tác thanh vận.

2.1.2 Tình hình thực hiện tiêu chuẩn cụ thể:

Cấp ủy các cấp đã tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ Đoàn tham gia đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, lý luận chính trị; xem xét lựa chọn bố trí cán bộ Đoàn cơ bản đảm bảo các tiêu chuẩn cụ thể theo quy định. Tình hình đội ngũ cán bộ Đoàn nhiệm kỳ 2017-2022 so với nhiệm kỳ 2012-2017 như sau:

a) Cán bộ đoàn cấp tỉnh (từ ủy viên ban chấp hành Tỉnh đoàn trở lên):

- Về trình độ chuyên môn: từ đại học trở lên chiếm tỷ lệ 100% (tăng 9,3%)

³ Đảng ủy Công an tỉnh, Đảng ủy Tổng công ty Cao su Đồng Nai

⁴ 100% cán bộ đoàn được bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Đoàn

- Về trình độ lý luận chính trị: cao cấp chiếm tỷ lệ 55,81% (tăng 16,28%, riêng các đồng chí bí thư, phó bí thư tỉnh đoàn đạt 100%), trung cấp 39,54% (tăng 19,35%), sơ cấp 4,65% (giảm 30,23%).

- Về độ tuổi: dưới 30 tuổi chiếm tỷ lệ 39,53%, tăng 2,33%, từ 31 - 35 tuổi 55,81% (bằng như nhiệm kỳ trước), từ 36 - 40 tuổi 4,66% (giảm 2,33%).

(chi tiết tại phụ lục 1 kèm theo)

b) Cán bộ đoàn cấp huyện (tương đương) và cấp cơ sở:

*** Khối huyện, thị xã, thành phố:**

- Đối với cán bộ đoàn cấp huyện (từ ủy viên ban chấp hành trở lên)

+ Về trình độ chuyên môn: đại học trở lên chiếm tỷ lệ 98,18% (tăng 40,67%); trung cấp, cao đẳng 1,45% (giảm 36,6%), chưa qua đào tạo 0,36% (giảm 4,11%)

+ Về trình độ lý luận chính trị: từ trung cấp trở lên chiếm tỷ lệ 92,36% (tăng 47,31%, riêng các đồng chí bí thư, phó bí thư huyện đoàn đạt 100%), sơ cấp 5,09% (giảm 23,34%), chưa đào tạo 2,55% (giảm 5,44%).

+ Về độ tuổi: dưới 30 tuổi chiếm tỷ lệ 56,73% (giảm 12,9%), từ 31 - 35 tuổi 42,55% (tăng 13,79% do tái cử nhiều), từ 36 - 40 tuổi 0,73% (giảm 0,6%)

- Đối với cán bộ đoàn cấp xã, phường, thị trấn (gồm bí thư và phó bí thư)

+ Về trình độ chuyên môn: đại học trở lên chiếm tỷ lệ 64,98% (tăng 18,19%); trung cấp, cao đẳng 27,17% (giảm 21,76%), chưa qua đào tạo 7,84% (giảm 14,08%)

+ Về trình độ lý luận chính trị: từ trung cấp trở lên chiếm tỷ lệ 71,71% (tăng 30,8%), sơ cấp 19,05% (giảm 13,03%), chưa đào tạo 9,24% (giảm 17,8%).

+ Về độ tuổi: dưới 30 tuổi chiếm tỷ lệ 79,83% (giảm 12,68%), từ 31 - 35 tuổi 19,6% (tăng 11,9%), từ 36 - 40 tuổi 0% (giảm 2,4%)

(chi tiết tại phụ lục 2A, 2B kèm theo)

*** Khối cơ quan:**

- Đối với cán bộ đoàn tương đương cấp huyện (từ ủy viên ban chấp hành trở lên)

+ Về trình độ chuyên môn: đại học trở lên chiếm tỷ lệ 100% (tăng 6,67%).

+ Về trình độ lý luận chính trị: từ trung cấp trở lên chiếm tỷ lệ 86,67% (giảm 6,67%, riêng các đồng chí bí thư, phó bí thư đoàn khối đạt 100%), sơ cấp 13,33% (tăng 6,67%).

+ *Về độ tuổi*: dưới 30 tuổi chiếm tỷ lệ 6,67% (bằng nhiệm kỳ trước), từ 31 - 35 tuổi 93,33% (tăng 6,67%), từ 36 - 40 tuổi 0% (giảm 6,67%).

- Đối với cán bộ đoàn cơ sở (gồm bí thư và phó bí thư)

+ *Về trình độ chuyên môn*: đại học trở lên chiếm tỷ lệ 85,09% (tăng 10,15%); trung cấp, cao đẳng 14,91% (giảm 10,15%)

+ *Về trình độ lý luận chính trị*: từ trung cấp trở lên chiếm tỷ lệ 53,45% (tăng 30,74%), sơ cấp 41,82% (giảm 7,79%), chưa đào tạo 4,73% (giảm 17,46%)

+ *Về độ tuổi*: dưới 30 tuổi chiếm tỷ lệ 47,63% (giảm 14,5%), từ 31 - 35 tuổi 41,81% (tăng 11,79%), từ 36 - 40 tuổi 10,55% (tăng 2,71%)

(chi tiết tại phụ lục 3A, 3B kèm theo)

*** Khối lực lượng vũ trang:**

- Đối với cán bộ đoàn tương đương cấp huyện (từ ủy viên ban chấp hành trở lên)

+ *Về trình độ chuyên môn*: đại học trở lên chiếm tỷ lệ 88,89% (giảm 4,44%); trung cấp, cao đẳng 11,11% (tăng 4,44%).

+ *Về trình độ lý luận chính trị*: từ trung cấp trở lên chiếm tỷ lệ 66,67% (giảm 6,67%, riêng các đồng chí bí thư, phó bí thư đoàn đạt 100%), sơ cấp 33,33% (tăng 6,67%).

+ *Về độ tuổi*: từ 31 - 35 tuổi chiếm 55,56% (tăng 2,22%), từ 36 - 40 tuổi 45,44% (giảm 2,22%).

- Đối với cán bộ đoàn cấp cơ sở (gồm bí thư và phó bí thư)

+ *Về trình độ chuyên môn*: đại học trở lên chiếm tỷ lệ 68,52% (tăng 7,29%); trung cấp, cao đẳng 31,48% (giảm 7,29%)

+ *Về trình độ lý luận chính trị*: từ trung cấp trở lên chiếm tỷ lệ 56,48% (tăng 26,89%), sơ cấp 39,81% (giảm 5,83%) và chưa đào tạo 3,71% (giảm 14,66%).

+ *Về độ tuổi*: dưới 30 tuổi chiếm tỷ lệ 66,67% (tăng 4,42%), từ 31 - 35 tuổi 29,62% (giảm 0,26%), từ 36 - 40 tuổi 3,71% (tăng 3,71%)

(chi tiết tại phụ lục 4A, 4B kèm theo)

*** Khối trường học:**

- Đối với cán bộ đoàn tương đương cấp huyện (từ ủy viên ban chấp hành trở lên)

+ *Về trình độ chuyên môn*: đại học trở lên chiếm tỷ lệ 51,2% (tăng 7,67%); trung cấp, cao đẳng 10,53% (tăng 5,82%), chưa qua đào tạo (là học sinh, sinh viên) 38,28% (giảm 13,49%).

+ Về trình độ lý luận chính trị: từ trung cấp trở lên chiếm tỷ lệ 4,78% (tăng 3,61%, riêng các đồng chí bí thư, phó bí thư đoàn đạt tỷ lệ 28,57% tăng 18,23%), sơ cấp 35,89% (giảm 3,53%).

+ Về độ tuổi: dưới 30 tuổi chiếm tỷ lệ 85,65% (giảm 6,12%), từ 31 - 35 tuổi 13,4% (tăng 5,75%), từ 36 - 40 tuổi 0,96% (tăng 0,37%).

- Đối với cán bộ đoàn cấp cơ sở (gồm bí thư và phó bí thư)

+ Về trình độ chuyên môn: đại học trở lên chiếm tỷ lệ 95,29% (tăng 2,27%); trung cấp, cao đẳng 3,53% (giảm 1,1%)

+ Về trình độ lý luận chính trị: từ trung cấp trở lên chiếm tỷ lệ 28,82% (tăng 14,28%), sơ cấp 56,47% (giảm 2%), chưa qua đào tạo 14,71% (giảm 12%)

+ Về độ tuổi: dưới 30 tuổi chiếm tỷ lệ 57,6% (giảm 19%), từ 31 - 35 tuổi 40% (12,7%), từ 36 - 40 tuổi 1,76% (tăng 0,02%), trên 40 tuổi 0,06% (bằng nhiệm kỳ trước).

(chi tiết tại phụ lục 5A, 5B kèm theo)

*** Khối doanh nghiệp:**

- Đối với cán bộ đoàn tương đương cấp huyện (từ ủy viên ban chấp hành trở lên)

+ Về trình độ chuyên môn: đại học trở lên chiếm tỷ lệ 96,55% (tăng 25,49%); trung cấp, cao đẳng 3,45% (giảm 25,49%).

+ Về trình độ lý luận chính trị: từ trung cấp trở lên chiếm tỷ lệ 58,62% (tăng 40,2%), sơ cấp 41,38% (giảm 40,2%).

+ Về độ tuổi: dưới 30 tuổi chiếm tỷ lệ 31,03% (giảm 13,7%), từ 31 - 35 tuổi 55,17% (giảm 0,09%), từ 36 - 40 tuổi 10,34% (tăng 10,34%).

- Đối với cán bộ đoàn cấp cơ sở (gồm bí thư và phó bí thư)

+ Về trình độ chuyên môn: đại học trở lên chiếm tỷ lệ 75,6% (tăng 15,29%); trung cấp, cao đẳng 15,2% (giảm 8,54%), chưa qua đào tạo 3,6% (giảm 8,46%).

+ Về trình độ lý luận chính trị: từ trung cấp trở lên chiếm tỷ lệ 16,4% (tăng 12,9%), sơ cấp 53,2% (tăng 3,01%), chưa qua đào tạo 19,2% (giảm 6,48%).

+ Về độ tuổi: dưới 30 tuổi chiếm tỷ lệ 35,6% (giảm 13,04%), từ 31 - 35 tuổi 46% (tăng 9,81%), từ 36 - 40 tuổi 15,2% (tăng 11,31%), trên 40 tuổi 0,4% (tăng 0,4%).

(chi tiết tại phụ lục 6A, 6B kèm theo)

2.2- Về công tác cán bộ Đoàn

2.2.1 Công tác tuyển dụng

Căn cứ chỉ tiêu biên chế được phân bổ, các cơ quan chuyên trách Đoàn chủ động đăng ký nhu cầu tuyển dụng và đề xuất một số tiêu chí đặc thù nhằm tuyển chọn người phù hợp với công tác Đoàn (*như độ tuổi, kinh nghiệm trong tổ chức các hoạt động phong trào thanh thiếu nhi...*). Từ năm 2010 đến nay, các đơn vị, địa phương đã tuyển dụng 70 người vào làm việc tại cơ quan chuyên trách Đoàn cấp tỉnh, cấp huyện (cấp tỉnh 26 trường hợp và cấp huyện 44 trường hợp). Việc tuyển dụng cán bộ đoàn phần lớn được thực hiện thông qua hình thức thi tuyển (58 trường hợp), một số trường hợp được tuyển dụng thông qua hình thức xét tuyển từ cán bộ chuyên trách cấp xã (bí thư đoàn cấp xã) hoặc từ viên chức thành công chức (12 trường hợp). Người được tuyển dụng vào cơ quan chuyên trách Đoàn đảm bảo tiêu chuẩn chung theo quy định, là đoàn viên Đoàn TNCS Hồ Chí Minh hoặc là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Đối với các trường hợp được tuyển dụng thông qua thi tuyển đều đạt điểm theo quy định tuyển dụng, lấy từ trên xuống đến khi đủ chỉ tiêu.

2.2.2. Công tác quy hoạch

Công tác quy hoạch cán bộ Đoàn được các cấp ủy quan tâm thực hiện gắn với công tác quy hoạch của đơn vị, địa phương và căn cứ vào năng lực thực tiễn của cán bộ. Quy trình quy hoạch được tiến hành đảm bảo theo quy định, cấp ủy đảng và tập thể lãnh đạo đơn vị chủ động phối hợp với ban thường vụ đoàn cấp trên xem xét phê duyệt quy hoạch cán bộ Đoàn cấp dưới theo thẩm quyền. Định kỳ hàng năm, các cấp ủy chỉ đạo các tổ chức đoàn rà soát đưa vào quy hoạch các nhân tố mới, phù hợp với công tác Đoàn để đào tạo, bồi dưỡng chuẩn bị đội ngũ kế cận. Nguồn quy hoạch chức danh bí thư, phó bí thư đoàn ngày càng tăng về số lượng và mở rộng về đối tượng, nhất là khối huyện, thị xã, thành phố (nhiệm kỳ 2017-2022 cấp huyện quy hoạch 96 đồng chí, tăng 5 đồng chí so với nhiệm kỳ 2012-2017, trong đó có 32/96 đồng chí không là cán bộ công tác tại cơ quan chuyên trách Đoàn hoặc cán bộ đoàn cấp dưới chiếm tỷ lệ 33,33% tăng 8,06%; cấp xã quy hoạch 565 đồng chí⁵, tăng 31 đồng chí, trong đó có 409/565 đồng chí không phải là cán bộ đoàn cấp dưới⁶ chiếm tỷ lệ 72,38%, tăng 1,6%). Cán bộ quy hoạch chức danh chủ chốt Đoàn cấp tỉnh đảm bảo tiêu chuẩn, 100% là cán bộ lãnh đạo, quản lý cơ quan chuyên trách Đoàn⁷.

⁵ Các địa phương có số lượng quy hoạch chức danh bí thư, phó bí thư đoàn xã cao: Tân Phú đạt 2,7 lần, Nhơn Trạch 3,1 lần, Xuân Lộc 2,7 lần, Trảng Bom đạt 2,02 lần...

⁶ Là những người hoạt động không chuyên trách khối đảng, mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị xã hội cấp xã, công chức xã và đối tượng là công an viên, lực lượng thường trực xã...

⁷ Nhiệm kỳ 2012 – 2017: quy hoạch Ban Thường vụ 23 đồng chí, chức danh Phó Bí thư Tỉnh đoàn 16 đồng chí, Bí thư Tỉnh đoàn 04 đồng chí; nhiệm kỳ 2017 – 2022 quy hoạch Ban Thường vụ 30 đồng chí, chức danh Bí thư Tỉnh đoàn 03 đồng chí và Phó Bí thư Tỉnh đoàn 04 đồng chí.

2.2.3. Công tác đào tạo, bồi dưỡng

Hàng năm, cấp ủy các cấp chọn cử cán bộ Đoàn hoặc cán bộ thuộc diện quy hoạch chức danh chủ chốt của Đoàn tham gia các lớp đào tạo nhằm chuẩn hóa đội ngũ cán bộ đoàn theo quy định, ngoài ra Ban Thường vụ Tỉnh đoàn đã phối hợp Trường Chính trị tỉnh mở lớp trung cấp lý luận chính trị dành riêng cho cán bộ Đoàn⁸. Từ năm 2010 đến nay đã cử 1.678 lượt cán bộ đoàn đi đào tạo trong đó về chuyên môn 773 lượt⁹, lý luận chính trị 905 lượt¹⁰. Công tác tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng được các cấp bộ đoàn tăng cường thực hiện với nội dung và hình thức phù hợp với từng đối tượng (như bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đoàn, công tác Thanh vận, các lớp tập huấn cho cán bộ chủ chốt đoàn cơ sở; lớp bồi dưỡng nghiệp vụ Đoàn - Hội - Đội; các hội thi bí thư chi đoàn giỏi, bí thư đoàn cơ sở giỏi...), bên cạnh đó cán bộ Đoàn được cử tham gia các lớp bồi dưỡng khác như quản lý nhà nước, kiến thức an ninh – quốc phòng,... Cán bộ sau khi đào tạo, bồi dưỡng đã phát huy tốt kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn công tác góp phần vào thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.

2.2.4 Công tác bố trí, sử dụng, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử.

Công tác bố trí, sử dụng cán bộ Đoàn được thực hiện dựa trên năng lực, sở trường của mỗi cán bộ, yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao và theo phân cấp quản lý cán bộ, đảm bảo sự phát triển của cán bộ. Đối với cán bộ chuyên trách khi hết tuổi công tác đoàn được xem xét bố trí công tác phù hợp theo nguyện vọng của cán bộ và ý kiến đề xuất của ban thường vụ đoàn. Từ năm 2010 đến nay, các cấp ủy đã bố trí công tác khác đối với 253 cán bộ chuyên trách đoàn¹¹. Phần lớn cán bộ chuyên trách đoàn khi hết tuổi công tác được bố trí công tác sang các cơ quan khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể (cấp tỉnh 70%, cấp huyện chiếm 54,54%, cấp xã chiếm 61,58%). Cán bộ chuyên trách Đoàn cấp tỉnh, cấp huyện được bố trí chức vụ tương đương ở đơn vị mới; cán bộ đoàn cấp xã sau khi hết tuổi được bố trí làm cán bộ chuyên trách hoặc công chức cấp xã (đối với bí thư đoàn, chiếm tỷ lệ 89,71%) và các chức danh người hoạt động không chuyên trách (đối với phó bí thư đoàn, chiếm tỷ lệ 63,01%); một số trường hợp được bầu giữ các chức vụ lãnh đạo cấp xã (từ phó chủ tịch ủy ban nhân dân trở lên)¹². Đối với cán bộ Đoàn ở các loại hình khác do thực hiện công tác đoàn kiêm nhiệm, nên phần lớn các đồng chí này tiếp tục thực hiện nhiệm vụ chuyên môn tại cơ quan, đơn vị sau hết tuổi công tác đoàn.

⁸ Khóa 2012-2013 89 học viên; khóa 2016-2017: 109 học viên

⁹ Trung cấp 74, cao đẳng, đại học 680, sau đại học 19

¹⁰ Sơ cấp 176, trung cấp 605, cao cấp 124

¹¹ Cấp tỉnh 10 đồng chí, cấp huyện 66 đồng chí và cấp xã 177 đồng chí

¹² Các địa phương có tỷ lệ bí thư đoàn cấp xã được bố trí cán bộ chủ chốt cấp xã cao: Trảng Bom có 14/20 đ/c, tỷ lệ 70%; Xuân Lộc có 8/12 đ/c tỷ lệ 66,67% .

Việc điều động, bổ nhiệm đối với cán bộ Đoàn thực hiện theo các quy định, trên cơ sở kết quả rèn luyện, phấn đấu, năng lực, uy tín và tiêu chuẩn cán bộ ở từng vị trí, lĩnh vực, đối với luân chuyển thực hiện đối cán bộ đoàn chuyên trách giữ chức vụ từ ủy viên ban chấp hành huyện đoàn trở lên trong quy hoạch nhằm đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ đoàn. Từ năm 2010 đến nay, các cấp ủy đã điều động, luân chuyển 75 cán bộ chuyên trách đoàn, trong đó cấp tỉnh về huyện 05 đồng chí, cấp huyện lên tỉnh 06 đồng chí, từ huyện về xã 18 đồng chí, từ xã về huyện 20 đồng chí và từ cơ quan chuyên trách đoàn sang cơ quan khối Đảng, Nhà nước, các đoàn thể khác 26 đồng chí. Ngoài ra, các cấp ủy đã xem xét giới thiệu cán bộ đoàn tham gia cấp ủy, hội đồng nhân dân các cấp¹³ và nhiều đồng chí được tin nhiệm giữ các chức danh lãnh đạo chủ chốt của địa phương, đơn vị. Các đồng chí cán bộ Đoàn sau khi được bổ nhiệm, luân chuyển đều phát huy năng lực, sở trường, an tâm công tác và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

2.2.5 Công tác nhận xét, đánh giá cán bộ

Công tác nhận xét, đánh giá cán bộ được các đơn vị thực hiện định kỳ hàng năm theo đúng quy định gắn với công tác nhận xét, đánh giá cán bộ và đánh giá chất lượng đảng viên. Nội dung nhận xét, đánh giá tập trung vào các nội dung chính như kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; khả năng quy tụ và ảnh hưởng trong thanh thiếu niên; sở trường và triển vọng phát triển. Kết quả nhận xét, đánh giá cán bộ đoàn làm căn cứ cho các cấp ủy bố trí, sử dụng, quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, luân chuyển và thực hiện các chính sách cán bộ.

2.2.6 Công tác khen thưởng, kỷ luật, kiểm tra, giám sát,

Công tác thi đua khen thưởng cán bộ Đoàn được thực hiện theo đúng quy định, các đồng chí cán bộ Đoàn có thành tích xuất sắc trong công tác đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ, trong công tác xây dựng Đoàn - Hội - Đội, các phong trào thanh thiếu niên được các cấp bộ đoàn đề xuất cấp ủy, chính quyền khen thưởng kịp thời.

Trong công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật, Ủy ban Kiểm tra của Đoàn cấp tỉnh, cấp huyện đã thực hiện tốt việc kiểm tra, giám sát theo quy định thông qua các hình thức như kiểm tra định kỳ, chuyên đề, dự hoạt động với cơ sở... Qua kiểm tra, cho thấy ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong làm việc, việc giữ gìn phẩm chất, đạo đức lối sống, chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong cán bộ, đoàn viên có chuyển biến một cách rõ rệt.

¹³ Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2011 - 2016 có 324 đ/c trúng cử (Quốc hội 01, cấp tỉnh 01, cấp huyện 27 và cấp xã 296); nhiệm kỳ 2016 - 2021 có 190 đ/c trúng cử (cấp tỉnh 01; cấp huyện 10, cấp xã 179).

2.2.7 Thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ Đoàn

Các chế độ chính sách đối với cán bộ Đoàn được luân chuyển, điều động, đào tạo thực hiện đảm bảo theo Quy chế cán bộ Đoàn và các quy định của tỉnh. Đối với chức danh phó bí thư Đoàn cấp xã hiện nay được hưởng chế độ hỗ trợ, xếp lương theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh¹⁴; đối với cán bộ Đoàn khu vực trường học được hưởng thêm phụ cấp kiêm nhiệm hoặc được giảm số tiết dạy theo quy định của Thủ tướng Chính phủ¹⁵. Ngoài ra cán bộ Đoàn có khả năng, triển vọng phát triển đủ tiêu chuẩn cấp ủy viên đều được cơ cấu bầu vào cấp ủy đảng cùng cấp (nhiệm kỳ 2015 - 2020 đã có 201 đồng chí cán bộ Đoàn được giới thiệu và trúng cử vào cấp ủy Đảng các cấp (cấp tỉnh 01, cấp huyện 19 và cấp cơ sở 181).

III- ĐÁNH GIÁ CHUNG

1- Ưu điểm

Các cấp ủy, các cấp bộ Đoàn đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện Quy chế cán bộ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh đạt nhiều kết quả quan trọng, góp phần thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết của cấp ủy đề ra hàng năm trên lĩnh vực công tác Đoàn. Công tác tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng được tăng cường thực hiện; công tác bố trí cán bộ đoàn sau khi hết tuổi công tác và luân chuyển cán bộ đoàn thực hiện đảm bảo theo Quy chế, qua đó thể hiện sự quan tâm của cấp ủy đối với cán bộ Đoàn, đảm bảo quyền lợi cho cán bộ có nhiều năm cống hiến cho công tác Đoàn, đồng thời khích lệ cán bộ trẻ nhiệt huyết đối với phong trào Đoàn. Nhìn chung, đội ngũ cán bộ Đoàn các cấp ngày càng được chuẩn hóa về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và lý luận chính trị, cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác đoàn, phong trào thanh thiếu nhi trong giai đoạn mới. Hầu hết cán bộ đoàn đều có kinh nghiệm thực tiễn, được rèn luyện và trưởng thành trong công tác đoàn - hội, phong trào thanh thiếu nhi, nắm vững quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác đoàn. Các đồng chí cán bộ chủ chốt Đoàn hầu hết đều kinh qua thực tiễn công tác ở các cương vị như bí thư, phó bí thư đoàn cấp dưới.

¹⁴ Nghị quyết 77/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định số lượng, chức danh, chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố) trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

¹⁵ Quyết định số 13/2013/QĐ-TTg ngày 06/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Việt Nam, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam trong các cơ sở giáo dục và cơ sở dạy nghề.

2- Những hạn chế, khó khăn, vướng mắc

- Còn nhiều trường hợp cán bộ Đoàn cấp cơ sở chưa đảm bảo tiêu chuẩn về trình độ lý luận chính trị (trung cấp lý luận chính trị trở lên)¹⁶, trong đó có một số các đồng chí là ủy viên ban chấp hành đoàn tương đương cấp huyện¹⁷, một số đồng chí giữ chức vụ quá tuổi theo quy định¹⁸.

- Công tác luân chuyển cán bộ Đoàn còn ít, công tác quy hoạch cán bộ Đoàn một số nơi còn khó khăn, chưa có tính ổn định lâu dài¹⁹, tình trạng hụt hẫng cán bộ đoàn còn xảy ra, chủ yếu là khối xã, phường, thị trấn.

- Việc bố trí, sắp xếp cán bộ Đoàn cơ sở sau khi hết tuổi công tác Đoàn gặp khó khăn, một số đồng chí là bí thư Đoàn xã và các trường hợp được cơ cấu tham gia cấp ủy viên cấp xã, thị trấn sau khi hết tuổi đoàn phải bố trí làm cán bộ không chuyên trách cấp xã, thị trấn²⁰.

- Chất lượng hoạt động của một số tổ chức đoàn còn thấp; một số cán bộ đoàn chuyên trách còn hạn chế về kỹ năng, phương pháp công tác.

* Nguyên nhân của hạn chế:

- Vai trò tham mưu của các cấp bộ Đoàn đối với cấp ủy, chính quyền cùng cấp trong việc cụ thể hóa, tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ đoàn đạt chuẩn theo quy chế ở một số nơi còn chưa kịp thời. Đội ngũ cán bộ Đoàn ở một số nơi kiêm nhiệm (khối cơ quan, đơn vị sự nghiệp, khối trường học, doanh nghiệp) nên việc dành thời gian tham gia nâng cao trình độ lý luận chính trị còn khó khăn. Mặt khác do đội ngũ cán bộ làm công tác đoàn thường xuyên thay đổi, chế độ chính sách cho đội ngũ cán bộ Đoàn hiện nay chưa thu hút được cán bộ trẻ tham gia công tác dẫn đến công tác quy hoạch, đào tạo, bố trí cán bộ Đoàn theo tiêu chuẩn quy định còn hạn chế.

- Công tác tham mưu trong định hướng sử dụng cán bộ đoàn, nắm bắt nguyện vọng cán bộ đôi khi còn chưa chủ động, chưa kịp thời phối hợp chặt chẽ với các cơ quan tham mưu của cấp ủy đề xuất kiến nghị những khó khăn trong bố trí cán bộ đoàn sau khi hết tuổi đoàn. Đồng thời, hiện nay các cơ quan, đơn vị đang thực hiện tinh giản biên chế, sắp xếp tổ chức bộ máy, cơ cấu đội ngũ cán bộ theo đề án vị trí việc làm đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc sắp xếp, bố trí cán bộ đoàn. Ở cấp xã, đội ngũ cán bộ chuyên trách, công chức cấp xã ít biên

¹⁶ Đoàn khối các cơ quan tỉnh 42 đồng chí; Xuân Lộc 11 trường hợp (khối xã 03, khối cơ quan và trường học 08); Thống Nhất 19 trường hợp (khối cơ quan và trường học); Trảng Bom 17 trường hợp (khối xã 03, khối trường học 14), Định Quán 30 trường hợp (khối xã 10, khối cơ quan và trường học 20); Long Thành 21 trường hợp (khối cơ quan và trường học)

¹⁷ Nhiệm kỳ 2017-2022, khối huyện, thị xã thành phố có 21 đồng chí; khối doanh nghiệp 11 đồng chí, khối trường học 57 đồng chí; khối lực lượng vũ trang 4 đồng chí

¹⁸ Đoàn khối các cơ quan tỉnh có 07 trường hợp (trên 36 tuổi); Tân Phú 01 trường hợp (41 tuổi, khối cơ quan).

¹⁹ Các địa phương có số lượng cán bộ quy hoạch chức danh bí thư phó bí thư đoàn cấp xã thấp (so với số lượng xã, phường, thị trấn): Thống Nhất 0,4 lần, Biên Hòa 1 lần, Vĩnh Cửu 1 lần, Cẩm Mỹ 1 lần, Long Thành 1 lần...

²⁰ Trảng Bom 02 trường hợp, Xuân Lộc 03 trường hợp,

động, không có định suất do đó một số trường hợp sau khi hết tuổi đoàn chỉ bố trí tham gia cán bộ không chuyên trách cấp xã.

- Tiêu chuẩn cán bộ Đoàn giữa quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và quy định Ủy ban nhân dân tỉnh còn chưa đồng bộ, thống nhất nên trong quá trình áp dụng thực hiện tại địa phương còn lúng túng, bất cập²¹. Một số nội dung trong Quy chế cán bộ Đoàn tỉnh không còn phù hợp với thực tiễn, cần phải điều chỉnh.

- Đội ngũ cán bộ chuyên trách đoàn khối địa bàn dân cư thường xuyên thay đổi, trong khi đó đội ngũ cán bộ làm công tác đoàn ở khối các trường học, khối cơ quan, khối lực lượng vũ trang và khối doanh nghiệp chủ yếu là kiêm nhiệm; kinh phí cho hoạt động Đoàn, Hội còn nhiều hạn chế dẫn đến khó khăn trong việc thu hút và triển khai các phong trào thanh thiếu niên.

IV- PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

- Tiếp tục quán triệt sâu rộng Quy chế cán bộ đoàn trong cán bộ, đảng viên, đoàn viên, nhất là quan điểm nguyên tắc và nghĩa vụ, quyền lợi của cán bộ Đoàn. Nâng cao nhận thức các cấp ủy, chính quyền về vị trí, vai trò của tổ chức đoàn, vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cán bộ đoàn, xác định rõ trách nhiệm của từng cấp ủy, chính quyền, cán bộ, đảng viên trong việc chăm lo xây dựng, củng cố tổ chức Đoàn, xây dựng đội ngũ cán bộ Đoàn.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Đoàn, các cấp ủy rà soát, quan tâm cử cán bộ Đoàn tham gia các lớp đào tạo lý luận chính trị, tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích cán bộ Đoàn tự học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ nhằm đảm bảo tiêu chuẩn chức danh theo quy định. Các cấp bộ Đoàn tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ Đoàn, thường xuyên đổi mới nội dung, chương trình bồi dưỡng phù hợp với từng đối tượng cán bộ Đoàn, nhất là cán bộ Đoàn khối doanh nghiệp, trường học và ở các cơ quan.

- Thực hiện có hiệu quả công tác quy hoạch cán bộ Đoàn các cấp, trong đó chú trọng quy hoạch sát với yêu cầu nhiệm vụ của từng giai đoạn, đưa vào quy hoạch các chức danh lãnh đạo chủ chốt của đơn vị, địa phương đối với cán bộ Đoàn có năng lực công tác và triển vọng phát triển tốt từ đó xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phù hợp. Các cấp ủy đảng cần phối hợp chặt chẽ với các cấp bộ đoàn xem xét lựa chọn, giới thiệu nhân sự ứng cử các chức danh lãnh đạo chủ chốt của Đoàn kết hợp công tác chuẩn bị nhân sự giới thiệu cơ cấu cấp ủy; đồng thời xây dựng kế hoạch, lộ trình cụ thể sắp xếp, bố trí cán bộ đoàn sau khi hết tuổi đoàn theo vị trí quy hoạch.

²¹ Quyết định số 767-QĐ/TU ngày 21/6/2010 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về ban hành Quy chế cán bộ đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND của UBND tỉnh về ban hành tiêu chuẩn cán bộ, công chức cấp xã; Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND của UBND tỉnh về ban hành tiêu chuẩn, quản lý, sử dụng người hoạt động không chuyên trách cấp xã.

- Thực hiện tốt chủ trương bố trí kiêm nhiệm đối với các chức danh cán bộ chuyên trách, người hoạt động không chuyên trách cấp xã, quan tâm sắp xếp, bố trí đồng chí Phó Bí thư Đoàn cơ sở xã, phường, thị trấn kiêm nhiệm các chức danh khác để tăng thu nhập và động viên cán bộ an tâm công tác.

- Thường xuyên tiến hành sơ kết, tổng kết việc thực hiện Quy chế để tiếp tục phát huy những ưu điểm và đề ra các giải pháp khắc phục những hạn chế, đồng thời kịp thời đề xuất điều chỉnh, bổ sung những điểm mới cho phù hợp với tình hình thực tiễn.

- Giao Ban Tổ chức Tỉnh ủy phối hợp Ban Dân vận Tỉnh ủy, Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan liên quan rà soát điều chỉnh Quy chế cán bộ đoàn và các quy định hiện hành liên quan tiêu chuẩn cán bộ Đoàn để thực hiện đồng bộ, thống nhất, liên thông trong toàn tỉnh.

Trên đây là Báo cáo sơ kết 08 năm thực hiện thực hiện Quyết định số 767-QĐ/TU ngày 21/6/2010 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về ban hành Quy chế cán bộ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy báo cáo để các đơn vị, địa phương biết và tổ chức thực hiện.

Nơi nhận:

- Các đ/c TUV,
- Các cấp ủy trực thuộc tỉnh;
- Các BCS đảng, đảng đoàn, Tỉnh đoàn,
- Các sở, ban, ngành tỉnh,
- Các ban đảng tỉnh,
- QCP.VPTU-P,T,
- Lưu VPTU.

Đồng kính gửi:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Ban Tổ chức Trung ương,
- Ban Bí thư Trung ương Đoàn.

P-M3/BC397-137

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ**



Phạm Văn Ru

**THỐNG KÊ BAN CHẤP HÀNH, BAN THƯỜNG VỤ, BÍ THƯ, PHÓ BÍ THƯ TỈNH ĐOÀN
NHIỆM KỲ 2012 - 2017 VÀ NHIỆM KỲ 2017 - 2022**

STT	Đối tượng	Tổng số	Nữ	Trình độ đào tạo chia theo										Độ tuổi					
				Chuyên môn						Chính trị				Từ 25 tuổi trở xuống	Từ 26 đến 30	Từ 31 đến 35	Từ 36 đến 40	Trên 40	
				Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung Cấp	Chưa qua đào tạo	Cao cấp và tương đương	Trung cấp và tương đương	Sơ cấp	Chưa qua đào tạo						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
I. NHIỆM KỲ 2012 - 2017																			
1	Ban Chấp hành Tỉnh đoàn	43	16		6	33	3	1			17	11	15		1	15	24	3	
2	Ban Thường vụ Tỉnh đoàn	14	4		1	13					6	4	4			3	10	1	
3	Bí thư Tỉnh đoàn	1	0		1							1						1	
4	Phó Bí thư Tỉnh đoàn	3	2			3					3						3		
II. NHIỆM KỲ 2017 - 2022																			
1	Ban Chấp hành Tỉnh đoàn	43	18		12	31					24	17	2			17	24	2	
2	Ban Thường vụ Tỉnh đoàn	13	7		4	9					11	2				2	10	1	
3	Bí thư Tỉnh đoàn	1	0		1						1							1	
4	Phó Bí thư Tỉnh đoàn	3	3		1	2					3					1	2		

THÔNG KÊ CÁN BỘ ĐOÀN CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ NHIỆM KỲ 2012 - 2017 VÀ NHIỆM KỲ 2017 - 2022

STT	Đối tượng	Tổng số	Nữ	Trình độ đào tạo chia theo										Độ tuổi					Nơi công tác trước khi được giới thiệu bầu vào chức danh								
				Chuyên môn					Chính trị					Từ 25 tuổi trở xuống	Từ 26 đến 30	Từ 31 đến 35	Từ 36 đến 40	Trên 40	Là cán bộ cơ quan Huyện Đoàn	Là bí thư, phó bí thư Đoàn cơ sở	Cán bộ lãnh đạo quản lý cơ quan huyện hoặc cán bộ chủ chốt xã (phó chủ tịch UBND) xã trở lên)	Chuyên viên cơ quan nhà nước cấp huyện	Chuyên viên cơ quan khối Đảng cấp huyện	Chuyên viên cơ quan khối MTTQ và các đoàn thể cấp huyện	Cán bộ cơ quan Tỉnh đoàn tăng cường (luân chuyển)		
				Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung Cấp	Chưa qua đào tạo	Cao cấp và tương đương	Trung cấp và tương đương	Sơ cấp	Chưa qua đào tạo														
1				3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
I	NHIỆM KỲ 2012 - 2017																										
1	Ban Chấp hành Huyện đoàn	313	88	0	4	176	41	78	14	12	129	89	25	40	178	90	4	0									
2	Ban Thường vụ Huyện đoàn	93	24	0	2	78	4	9	0	11	40	34	1	10	61	24	0	0									
3	Bí thư Huyện đoàn	11	3	0	1	10	0	0	0	6	5	0	0	0	4	7	0	0	10	0	0	0	0	0	0	0	1
4	Phó Bí thư Huyện đoàn	21	6	0	0	18	2	2	0	4	8	10	0	3	13	6	0	0	18	2	0	0	1	0	0	0	0
II	NHIỆM KỲ 2017 - 2022																										
1	Ban Chấp hành Huyện đoàn	275	94	0	9	261	3	1	1	27	227	14	7	10	146	117	2	0									
2	Ban Thường vụ Huyện đoàn	81	20	0	2	79	0	0	0	20	57	2	2	1	46	34	0	0									
3	Bí thư Huyện đoàn	11	3	0	2	9	0	0	0	9	2	0	0	0	4	7	0	0	8	0	1	1	1	0	0	0	0
4	Phó Bí thư Huyện Đoàn	22	7	0	0	22	0	0	0	7	12	0	0	0	11	8	0	0	15	2	1	2	2	0	0	0	0

**THỐNG KÊ CHỨC DANH BÍ THƯ, PHÓ BÍ THƯ ĐOÀN CÁC XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN
NHIỆM KỲ 2012 - 2017 VÀ NHIỆM KỲ 2017 - 2022**

STT	Đối tượng	Tổng số	Nữ	Trình độ đào tạo chia theo										Độ tuổi					Nơi công tác trước khi được giới thiệu bầu vào chức danh										
				Chuyên môn						Chính trị				Từ 25 tuổi trở xuống	Từ 26 đến 30	Từ 31 đến 35	Từ 36 đến 40	Trên 40	Là bí thư, phó bí thư chi đoàn trực thuộc	Cán bộ chuyên trách cấp xã	Người hoạt động không chuyên trách cấp xã			Công chức xã	Cán bộ cơ quan Huyện đoàn tăng cường (luân chuyển)	Đội tương khác			
				Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung Cấp	Chưa qua đào tạo	Cao cấp và tương đương	Trung cấp và tương đương	Sơ cấp	Chưa qua đào tạo								các chức danh khối nhà nước	các chức danh khối Đảng	các chức danh khối MTTQ và các đoàn thể						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
I	NHIỆM KỲ 2012 - 2017	374	149	0	0	109	66	117	82	0	153	120	101	127	219	29	9	0	37	27	25	18	88	3	0	63			
1.1	Chức danh Bí thư	171	59	0	0	81	23	54	13	0	114	42	15	24	115	25	7	0	1	27	15	11	41	3	0	27			
1.2	Chức danh Phó Bí thư	203	90	0	0	28	43	63	69	0	39	78	86	103	104	4	2	0	36	0	10	7	47	0	0	36			
II	NHIỆM KỲ 2017 - 2022	357	150	0	1	231	58	39	28	1	255	68	33	84	201	70	0	0	22	29	35	12	67	2	0	59			
2.1	Chức danh Bí thư	170	69	0	1	141	11	16	1	1	164	3	2	12	100	56	0	0	4	29	22	4	20	2	0	23			
2.2	Chức danh Phó Bí thư	187	81	0	0	90	47	23	27	0	91	65	31	72	101	14	0	0	18	0	13	8	47	0	0	36			

**THỐNG KÊ BAN CHẤP HÀNH, BAN THƯỜNG VỤ, BÍ THƯ, PHÓ BÍ THƯ
ĐOÀN KHỐI CÁC CƠ QUAN TỈNH NHIỆM KỲ 2012 - 2017 VÀ NHIỆM KỲ 2017 - 2022**

STT	Đối tượng	Tổng số	Nữ	Trình độ đào tạo chia theo										Độ tuổi					Nơi công tác trước khi được giới thiệu bầu vào chức danh			
				Chuyên môn						Chính trị				Từ 25 tuổi trở xuống	Từ 26 đến 30	Từ 31 đến 35	Từ 36 đến 40	Trên 40	Là cán bộ cơ quan Đoàn Khối	Là bí thư, phó bí thư Đoàn cơ sở thuộc Đoàn khối	Chuyên viên cơ quan Đảng ủy khối	Cán bộ cơ quan Tỉnh đoàn tăng cường (luân chuyển)
				Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung Cấp	Chưa qua đào tạo	Cao cấp và tương đương	Trung cấp và tương đương	Sơ cấp	Chưa qua đào tạo									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
I	NHIỆM KỲ 2012 - 2017																					
1	Ban Chấp hành Đoàn Khối	15	3		5	9	1			7	7	1			1	13	1					
2	Ban Thường vụ Đoàn Khối	5	1		1	3	1			2	3				1	3	1					
3	Bí thư Đoàn Khối	1	1		1					1							1					1
4	Phó Bí thư Đoàn Khối	1			1						1						1		1			
II	NHIỆM KỲ 2017 - 2022																					
1	Ban Chấp hành Đoàn Khối	15	5		6	9				4	9	2			1	14						
2	Ban Thường vụ Đoàn Khối	5	2		4	1				2	3				1	4						
3	Bí thư Đoàn Khối	1			1					1							1				1	
4	Phó Bí thư Đoàn Khối	1			1					1							1		1			

*

**THÔNG KÊ CHỨC DANH BÍ THƯ, PHÓ BÍ THƯ CÁC CƠ SỞ ĐOÀN TRONG CÁC CƠ QUAN
NHIỆM KỲ 2012 - 2017 VÀ NHIỆM KỲ 2017 - 2022**

STT	Đối tượng	Tổng số	Nữ	Trình độ đào tạo chia theo										Độ tuổi				
				Chuyên môn						Chính trị				Từ 25 tuổi trở xuống	Từ 26 đến 30	Từ 31 đến 35	Từ 36 đến 40	Trên 40
				Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung Cấp	Chưa qua đào tạo	Cao cấp và tương đương	Trung cấp và tương đương	Sơ cấp	Chưa qua đào tạo					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
I	NHIỆM KỲ 2012 - 2017	383	120	0	4	283	59	37	0	5	82	190	85	78	160	115	23	0
1	Các cơ sở đoàn thuộc Đoàn khối Các cơ quan tỉnh	119	50	0	3	102	7	7	0	3	23	93	0	5	28	73	13	0
1.1	Chức danh Bí thư	55	19		3	44	5	3		3	14	38			7	38	10	
1.2	Chức danh Phó Bí thư	64	31			58	2	4			9	55		5	21	35	3	
2	Các cơ sở đoàn thuộc các huyện, thị, thành đoàn	264	70	0	1	181	52	30	0	2	59	97	85	73	132	42	10	0
2.1	Chức danh Bí thư	132	31	0	1	96	21	14	0	1	39	49	34	30	71	23	4	0
2.2	Chức danh Phó Bí thư	132	39	0	0	85	31	16	0	1	20	48	51	43	61	19	6	0
II	NHIỆM KỲ 2017 - 2022	449	171	2	43	401	3	2	0	14	234	175	26	26	210	164	13	0
1	Các cơ sở đoàn thuộc Đoàn khối Các cơ quan tỉnh	275	105	1	36	235	3	1	0	12	135	115	13	13	118	115	11	0
1.1	Chức danh Bí thư	50	18		17	31	2			8	24	18			9	35	6	
1.2	Chức danh Phó Bí thư	51	21		12	38	1			2	12	37			17	31	3	
2	Các cơ sở đoàn khối các cơ quan thuộc các huyện, thị, thành đoàn	174	66	1	7	166	0	1	0	2	99	60	13	13	92	49	2	0
2.1	Chức danh Bí thư	87	30	1	3	84	0	0	0	1	57	28	1	7	41	29	2	0
2.2	Chức danh Phó Bí thư	87	36	0	4	82	0	1	0	1	42	32	12	6	51	20	0	0

**THỐNG KÊ BAN CHẤP HÀNH, BAN THƯỜNG VỤ, BÍ THƯ, PHÓ BÍ THƯ ĐOÀN KHỐI LỰC LƯỢNG VŨ TRANG
(TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP HUYỆN) NHIỆM KỲ 2012 - 2017 VÀ NHIỆM KỲ 2017 - 2022**

STT	Đối tượng	Tổng số	Nữ	Trình độ đào tạo chia theo										Độ tuổi					
				Chuyên môn						Chính trị				Từ 25 tuổi trở xuống	Từ 26 đến 30	Từ 31 đến 35	Từ 36 đến 40	Trên 40	
				Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung Cấp	Chưa qua đào tạo	Cao cấp và tương đương	Trung cấp và tương đương	Sơ cấp	Chưa qua đào tạo						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
I	NHIỆM KỲ 2012 - 2017																		
1	Ban Chấp hành Đoàn	15	1		3	11		1		1	10	4			8	7			
2	Ban Thường vụ Đoàn	5	1			4	1			1	2	2			2	3			
3	Bí thư Đoàn	1				1				1							1		
4	Phó Bí thư Đoàn	2				2					2						2		
II	NHIỆM KỲ 2017 - 2022																		
1	Ban Chấp hành Đoàn	18	2		4	12		2		1	11	6			10	8			
2	Ban Thường vụ Đoàn	6	1			5		1		1	2	3			3	3			
3	Bí thư Đoàn	1				1				1							1		
4	Phó Bí thư Đoàn	2				2					2						2		

*
**THỐNG KÊ CHỨC DANH BÍ THƯ, PHÓ BÍ THƯ CƠ SỞ ĐOÀN KHÔI LỰC LƯỢNG VŨ TRANG
 NHIỆM KỲ 2012 - 2017 VÀ NHIỆM KỲ 2017 - 2022**

STT	Đối tượng	Tổng số	Nữ	Trình độ đào tạo chia theo										Độ tuổi				
				Chuyên môn						Chính trị				Từ 25 tuổi trở xuống	Từ 26 đến 30	Từ 31 đến 35	Từ 36 đến 40	Trên 40
				Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung Cấp	Chưa qua đào tạo	Cao cấp và tương đương	Trung cấp và tương đương	Sơ cấp	Chưa qua đào tạo					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
I	NHIỆM KỲ 2012 - 2017	98	9	0	4	57	13	21	1	1	29	46	20	7	57	29	1	0
1	Các cơ sở đoàn thuộc Đoàn Công an tỉnh và Quân sự tỉnh	56	9	0	4	32	6	12	1	0	13	29	14	1	36	18	1	0
1.1	Chức danh Bí thư	28	2	0	3	16	2	5	0	0	8	8	12	0	16	11	1	0
1.2	Chức danh Phó Bí thư	28	7	0	1	16	4	7	1	0	5	21	2	1	20	7	0	0
2	Các cơ sở đoàn thuộc Đoàn các huyện, thị xã, thành phố	42	0	0	0	25	7	9	0	1	16	17	6	6	21	11	0	0
2.1	Chức danh Bí thư	21	0	0	0	15	3	3	0	1	9	7	3	1	10	8	0	0
2.2	Chức danh Phó Bí thư	21	0	0	0	10	4	6	0	0	7	10	3	5	11	3	0	0
II	NHIỆM KỲ 2017 - 2022	108	10	0	4	70	11	20	1	0	61	43	4	3	69	30	4	0
1	Các cơ sở đoàn thuộc Đoàn Công an tỉnh và Quân sự tỉnh	63	8	0	4	33	7	16	1	0	23	36	4	1	46	15	1	0
1.1	Chức danh Bí thư	32	2	0	3	17	2	8	0	0	18	12	2	0	19	12	1	0
1.2	Chức danh Phó Bí thư	31	6	0	1	16	5	8	1	0	5	24	2	1	27	3	0	0
2	Các cơ sở đoàn thuộc Đoàn các huyện, thị xã, thành phố	45	2	0	0	37	4	4	0	0	38	7	0	2	23	15	3	0
1.1	Chức danh Bí thư	21	0	0	0	18	2	1	0	0	19	2	0	0	8	12	1	0
1.2	Chức danh Phó Bí thư	24	2	0	0	19	2	3	0	0	19	5	0	2	15	3	2	0

THỐNG KÊ BAN CHẤP HÀNH, BAN THƯỜNG VỤ, BÍ THƯ, PHÓ BÍ THƯ ĐOÀN CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG, ĐẠI HỌC (TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP HUYỆN) NHIỆM KỲ 2012 - 2017 VÀ NHIỆM KỲ 2017 - 2022

STT	Đối tượng	Tổng số	Nữ	Trình độ đào tạo chia theo										Độ tuổi					
				Chuyên môn						Chính trị				Từ 25 tuổi trở xuống	Từ 26 đến 30	Từ 31 đến 35	Từ 36 đến 40	Trên 40	
				Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung Cấp	Chưa qua đào tạo	Cao cấp và tương đương	Trung cấp và tương đương	Sơ cấp	Chưa qua đào tạo						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
I. NHIỆM KỲ 2012 - 2017																			
1	Ban Chấp hành	170	78	0	6	68	1	7	88	2	0	67	0	79	77	13	1	0	
2	Ban Thường vụ	53	22	0	6	34	2	1	10	2	1	35	0	20	23	9	1	0	
3	Chức danh Bí thư	9	2	0	1	8	0	0	0	0	1	8	0	0	5	3	1	0	
4	Chức danh Phó Bí thư	20	4	0	3	13	2	0	1	2	0	13	0	4	11	3	0	0	
II. NHIỆM KỲ 2017 - 2022																			
1	Ban Chấp hành	209	85	1	49	57	21	1	80	1	9	75	123	114	65	28	2	0	
2	Ban Thường vụ	67	21	0	29	26	3	0	8	1	9	41	16	16	31	19	1	0	
3	Chức danh Bí thư	11	2	0	7	4	0	0	0	0	6	5	0	1	5	5	0	0	
4	Chức danh Phó Bí thư	24	8	0	13	10	0	0	1	1	3	20	0	3	10	10	1	0	

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**THỐNG KÊ BÍ THƯ, PHÓ BÍ THƯ CƠ SỞ ĐOÀN KHỐI TRƯỜNG HỌC
NHIỆM KỲ 2012 - 2017 VÀ NHIỆM KỲ 2017 - 2022**

STT	Đối tượng	Tổng số	Nữ	Trình độ đào tạo chia theo										Độ tuổi					
				Chuyên môn						Chính trị				Từ 25 tuổi trở xuống	Từ 26 đến 30	Từ 31 đến 35	Từ 36 đến 40	Trên 40	
				Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung Cấp	Chưa qua đào tạo	Cao cấp và tương đương	Trung cấp và tương đương	Sơ cấp	Chưa qua đào tạo						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
I	NHIỆM KỲ 2012 - 2017																		
1	Chức danh Bí thư	82	17	0	6	73	1	2	0	0	18	48	16	9	47	24	1	1	
2	Chức danh Phó Bí thư	90	34	0	0	81	3	2	4	0	7	52	29	27	48	13	2	0	
II	NHIỆM KỲ 2017 - 2022																		
1	Chức danh Bí thư	80	21	0	9	69	2	0	0	0	32	40	7	6	33	37	3	1	
2	Chức danh Phó Bí thư	90	38	0	3	81	4	0	2	1	16	56	17	15	44	31	0	0	

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**THỐNG KÊ BAN CHẤP HÀNH, BAN THƯỜNG VỤ, BÍ THƯ, PHÓ BÍ THƯ ĐOÀN KHỐI DOANH NGHIỆP
NHIỆM KỲ 2012 - 2017 VÀ NHIỆM KỲ 2017 - 2022
(gồm Đoàn Khối Doanh nghiệp tỉnh và Tổng công ty Cao su Đồng Nai)**

STT	Đối tượng	Tổng số	Nữ	Trình độ đào tạo chia theo										Độ tuổi					Nơi công tác trước khi được giới thiệu bầu vào chức danh			
				Chuyên môn					Chính trị					Từ 25 tuổi trở xuống	Từ 26 đến 30	Từ 31 đến 35	Từ 36 đến 40	Trên 40	Là cán bộ cơ quan Đoàn Khối	Là bí thư, phó bí thư Đoàn cơ sở thuộc Đoàn khối	Chuyên viên cơ quan Đảng ủy khối	Cán bộ cơ quan Tỉnh đoàn tăng cường (luân chuyển)
				Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung Cấp	Chưa qua đào tạo	Cao cấp và tương đương	Trung cấp và tương đương	Sơ cấp	Chưa qua đào tạo									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
I	NHIỆM KỲ 2012 - 2017																					
	Ban Chấp hành Đoàn Khối	38	7	0	2	25	1	4	0	1	6	15	0	0	17	21	0	0	0	0	0	0
	Ban Thường vụ Đoàn Khối	12	3	0	0	12	0	0	0	1	2	4	0	0	3	9	0	0	0	0	0	0
	Bí thư Đoàn Khối	2	0	0	0	2	0	0	0	0	0	1	0	0	0	2	0	0	0	0	1	0
	Phó Bí thư Đoàn Khối	3	3	0	0	3	0	0	0	1	0	1	0	0	1	2	0	0	0	2	2	0
II	NHIỆM KỲ 2017 - 2022																					
	Ban Chấp hành Đoàn Khối	29	11	0	4	24	1	0	0	2	15	12	0	0	9	16	3	0	0	0	0	0
	Ban Thường vụ Đoàn Khối	9	3	0	3	6	0	0	0	2	5	2	0	0	3	4	2	0	0	0	0	0
	Bí thư Đoàn Khối	2	1	0	1	1	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	2	0	1	0	0	0
	Phó Bí thư Đoàn Khối	3	1	0	0	3	0	0	0	0	2	1	0	0	2	1	0	0	1	2	0	0

**THÔNG KÊ BÍ THƯ, PHÓ BÍ THƯ CƠ SỞ ĐOÀN TRONG DOANH NGHIỆP
NHIỆM KỲ 2012 - 2017 VÀ NHIỆM KỲ 2017 - 2022**

STT	Đối tượng	Tổng số	Nữ	Trình độ đào tạo chia theo										Độ tuổi				
				Chuyên môn						Chính trị				Từ 25 tuổi trở xuống	Từ 26 đến 30	Từ 31 đến 35	Từ 36 đến 40	Trên 40
				Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung Cấp	Chưa qua đào tạo	Cao cấp và tương đương	Trung cấp và tương đương	Sơ cấp	Chưa qua đào tạo					
5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19				
I	NHIỆM KỲ 2012 - 2017	257	74	0	14	141	31	30	31	2	7	129	66	25	100	93	10	0
1	Các cơ sở đoàn thuộc Đoàn khối Doanh nghiệp tỉnh	123	29	0	14	94	6	4	5	2	5	102	13	0	43	72	8	0
1.1	Chức danh Bí thư	59	9		8	45	4	1	1	2	3	48	6	0	15	39	5	
1.2	Chức danh Phó Bí thư	64	20		6	49	2	3	4	0	2	54	7		28	33	3	
2	Các cơ sở đoàn thuộc Đoàn Tổng công ty Cao su Đồng Nai	34	10	0	0	19	2	5	0	0	0	0	0	0	24	10	0	0
2.1	Chức danh Bí thư	17	5			13	1	1							10	7		
2.2	Chức danh Phó Bí thư	17	5			6	1	4							14	3		
3	Các cơ sở đoàn thuộc các huyện, thị, thành đoàn	100	35	0	0	28	23	21	26	0	2	27	53	25	33	11	2	0
3.1	Chức danh Bí thư	51	14		0	17	10	12	10	0	1	14	26	10	18	7	1	0
3.2	Chức danh Phó Bí thư	49	21		0	11	13	9	16	0	1	13	27	15	15	4	1	0

STT	Đối tượng	Tổng số	Nữ	Trình độ đào tạo chia theo										Độ tuổi				
				Chuyên môn						Chính trị				Từ 25 tuổi trở xuống	Từ 26 đến 30	Từ 31 đến 35	Từ 36 đến 40	Trên 40
				Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung Cấp	Chưa qua đào tạo	Cao cấp và tương đương	Trung cấp và tương đương	Sơ cấp	Chưa qua đào tạo					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
II	NHIỆM KỲ 2017 - 2022	250	79		19	170	20	18	9	2	39	133	48	12	77	115	38	1
1	Các cơ sở đoàn thuộc Đoàn khối Doanh nghiệp tỉnh	109	35	0	14	87	4	4	0	0	6	98	3	1	40	57	10	0
1.1	Chức danh Bí thư	48	13	0	9	36	2	1	0	0	4	41	3	1	15	22	9	
1.2	Chức danh Phó Bí thư	61	22	0	5	51	2	3	0	0	2	57	0	0	25	35	1	
2	Các cơ sở đoàn thuộc Đoàn Tổng công ty Cao su Đồng Nai	34	12	0	1	23	4	6	0	0	23	0	0	0	7	26	1	0
2.1	Chức danh Bí thư	17	6		1	13	1	2			14				5	11	1	
2.2	Chức danh Phó Bí thư	17	6			10	3	4			9				2	15		
3	Các cơ sở đoàn doanh nghiệp thuộc các huyện, thị, thành đoàn	107	32	0	4	60	12	8	9	2	10	35	45	11	30	32	27	1
3.1	Chức danh Bí thư	54	13	0	4	33	5	6	4	2	8	18	24	4	13	17	16	1
3.2	Chức danh Phó Bí thư	53	19	0	0	27	7	2	5	0	2	17	21	7	17	15	11	0

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

THỐNG KÊ QUY HOẠCH CHỨC DANH BÍ THƯ, PHÓ BÍ THƯ HUYỆN ĐOÀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG

		Nhiệm kỳ 2012 - 2017							Nhiệm kỳ 2017 - 2022						
		Số lượng quy hoạch	cán bộ chuyên trách cơ quan huyện đoàn	Ngoài cơ quan huyện đoàn, trong đó					Số lượng quy hoạch	cán bộ chuyên trách cơ quan huyện đoàn	Ngoài cơ quan huyện đoàn, trong đó				
				Tổng số	Cán bộ chuyên trách công tác Đoàn ở cơ sở (bí thư, phó bí thư đoàn)	cán bộ lãnh đạo quản lý các ban, ngành, đoàn thể huyện	chuyên viên các ban, ngành, đoàn thể huyện	Cán bộ chủ chốt cấp xã (từ phó chủ tịch UBND xã trở lên)			Tổng số	Cán bộ chuyên trách công tác Đoàn ở cơ sở (bí thư, phó bí thư đoàn)	cán bộ lãnh đạo quản lý các ban, ngành, đoàn thể huyện	chuyên viên các ban, ngành, đoàn thể huyện	Cán bộ chủ chốt cấp xã (từ phó chủ tịch UBND xã trở lên)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Chức danh Bí thư Đoàn	38	21	15	4	6	3	2	38	18	20	10	3	5	2
2	Chức danh Phó Bí thư Đoàn	58	30	28	16	4	5	3	64	16	48	26	3	16	3

THỐNG KÊ QUY HOẠCH CHỨC DANH BÍ THƯ, PHÓ BÍ THƯ ĐOÀN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

		Nhiệm kỳ 2012 - 2017						Nhiệm kỳ 2017 - 2022						
		Số lượng quy hoạch	Trong đó					Số lượng quy hoạch	Trong đó					
			Cán bộ Đoàn ở các chi đoàn ấp, khu phố (bí thư, phó bí thư chi đoàn)	Chức danh người hoạt động không chuyên trách khỏi Đảng, đoàn thể	Chức danh người hoạt động không chuyên trách khỏi Nhà nước	Công chức xã	Đối tượng khác (như Công an viên, lực lượng thường trực xã...)		Cán bộ Đoàn ở các chi đoàn ấp, khu phố (bí thư, phó bí thư chi đoàn)	Chức danh người hoạt động không chuyên trách khỏi Đảng, đoàn thể	Chức danh người hoạt động không chuyên trách khỏi Nhà nước	Công chức xã	Đối tượng khác (như Công an viên, lực lượng thường trực xã...)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Chức danh Bí thư Đoàn	245	49	89	42	14	50	282	52	117	34	13	66	
2	Chức danh Phó Bí thư Đoàn	289	107	77	47	9	61	283	104	91	29	4	55	

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

THÔNG KÊ KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG, ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ
(Từ năm 2010 đến nay)

1	2	Số lượng tuyển dụng		Đào tạo						Bồi dưỡng	
		Theo hình thức thi tuyển	Theo hình thức xét tuyển	Chuyên môn			Lý luận chính trị			Nghịệp vụ công tác đoàn	Bồi dưỡng khác
				Trung cấp	Cao đẳng, Đại học	Sau đại học	Sơ cấp	Trung cấp	Cao cấp và tương đương		
3	4	5	6	7	8	9	10	11	12		
	TỔNG	58	12	74	680	19	176	605	124	998	493
I	CẤP TỈNH	25	1	0	8	0	22	10	47	57	0
1	Cán bộ chuyên trách cơ quan Tỉnh đoàn	25	1	0	1	0	22	2	18	28	0
2	UVBCH chuyên trách			0	1	0	0	5	16	16	0
3	UVTV chuyên trách			0	1	0	0	1	5	5	0
4	Chức danh Bí thư Tỉnh đoàn			0	2	0	0	2	3	3	0
5	Chức danh Phó Bí thư Tỉnh đoàn			0	3	0	0	0	5	5	0
II	CẤP HUYỆN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG	33	11	1	119	10	3	83	62	143	66
1	Cán bộ chuyên trách cơ quan Huyện đoàn	33	11	1	33	2	3	31	6	40	14
2	UVTV chuyên trách			0	36	2	0	39	6	49	19
3	Chức danh Bí thư			0	21	4	0	2	24	21	11

4	Chức danh Phó Bí thư			0	29	2	0	11	26	33	22
III	CẤP CƠ SỞ			73	553	9	151	512	15	798	427
1	Khối xã, phường, thị trấn			44	302	0	43	293	6	387	158
1.1	Chức danh Bí thư			20	171	0	14	160	6	204	86
1.2	Chức danh Phó Bí thư			24	131	0	29	133	0	183	72
2	Khối cơ quan			11	111	2	52	105	2	182	99
2.1	Chức danh Bí thư			7	56	0	24	66	2	90	50
2.2	Chức danh Phó Bí thư			4	55	2	28	39	0	92	49
3	Khối lực lượng vũ trang			1	26	1	6	35	2	34	23
3.1	Chức danh Bí thư			0	13	1	3	18	2	19	12
3.2	Chức danh Phó Bí thư			1	13	0	3	17	0	15	11
4	Khối trường học			0	63	6	41	56	0	134	86
4.1	Chức danh Bí thư			0	25	4	11	36	0	59	36
4.2	Chức danh Phó Bí thư			0	38	2	30	20	0	75	50
5	Khối Doanh nghiệp			17	51	0	9	23	5	61	61
5.1	Chức danh Bí thư			7	32	0	7	12	3	34	35
5.2	Chức danh Phó Bí thư			10	19	0	2	11	2	27	26

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

THÔNG KÊ ĐIỀU ĐỘNG, LUÂN CHUYỂN, BỔ TRÍ CÁN BỘ CHUYÊN TRÁCH ĐOÀN HẾT TUỔI CÔNG TÁC ĐOÀN Ở CẤP HUYỆN VÀ CÁC XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN
(Từ năm 2010 đến nay)

Đơn vị	Điều động, luân chuyển			Bổ trí cán bộ đoàn khi hết tuổi đoàn												
	Từ cấp huyện về cấp xã	Từ cấp xã về huyện	Sang cơ quan Đảng, nhà nước	Sang cơ quan khối Đảng cấp huyện		Sang cơ quan khối nhà nước cấp huyện		Sang cơ quan khối MTTQ và các đoàn thể cấp huyện		Cán bộ chủ chốt cấp xã (phó chủ tịch UBND xã trở lên)		Các chức danh khác cấp xã				
				Chức danh từ cấp phó trở lên	Chuyên viên	Chức danh từ cấp phó trở lên	Chuyên viên	Chức danh từ cấp phó trở lên	Chuyên viên	Chức danh khối Đảng	Chức danh khối nhà nước	Công chức xã	Cán bộ chuyên trách	Chức danh người hoạt động không chuyên trách khối Đảng, đoàn thể	Chức danh người hoạt động không chuyên trách khối nhà nước	
			15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	
I	Cơ quan chuyên trách Đoàn cấp huyện	18	20	19	10	5	16	4	12	9	9	2	2	2	0	0
1	Cán bộ chuyên trách cơ quan Huyện đoàn	8	3	3	1	3	4	1	6	2	1	0	0	0	0	0
2	UVTV chuyên trách Huyện đoàn	6	1	1	1	1	2	2	1	2	0	0	0	1	0	0
3	Bí thư Huyện đoàn	3	9	9	7	1	3	1	2	5	4	1	1	1	0	0
4	Phó Bí thư Huyện đoàn	1	7	6	1	0	7	0	3	0	4	1	1	0	0	0
III	Cán bộ Đoàn các xã, phường, thị trấn	0	0	0	0	0	0	0	1	0	20	26	26	43	46	15
1	Chức danh Bí thư	0	0	0	0	0	0	0	1	0	15	24	24	33	4	3
2	Chức danh Phó Bí thư	0	0	0	0	0	0	0	0	0	5	2	2	10	42	12